

CHUẨN ĐẦU RA
NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1300/QĐ-ĐHTM ngày 22 tháng 11 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)*

1. Giới thiệu về ngành đào tạo

- Tên ngành đào tạo (tiếng Việt): **Hệ thống thông tin quản lý**
- Tên ngành đào tạo (tiếng Anh): **Management Information System**
- Mã ngành: **7340405**
- Trình độ đào tạo: **Đại học**

2. Mục tiêu của ngành đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Hệ thống thông tin quản lý có khả năng phân tích, tư vấn, thiết kế, phát triển và triển khai các giải pháp hệ thống thông tin để giải quyết các vấn đề kinh doanh, quản lý, và đáp ứng nhu cầu xã hội về nguồn lực chất lượng cao trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Đào tạo cử nhân ngành Hệ thống thông tin quản lý có đầy đủ kiến thức chuyên môn cần thiết về công nghệ thông tin ứng dụng trong kinh doanh; nắm vững các quy trình kinh doanh và quản trị doanh nghiệp;

Đào tạo những chuyên gia hiểu rõ sự phối hợp giữa các yếu tố công nghệ, quản trị và con người trong một hệ thống thông tin quản lý, vận dụng các hệ thống thông tin quản lý trong việc giải quyết các vấn đề quản trị của tổ chức;

Đào tạo đội ngũ những chuyên gia Hệ thống thông tin quản lý có khả năng phân tích, thiết kế, phát triển, triển khai, vận hành và bảo trì các hệ thống thông tin ứng dụng trong lĩnh vực kinh tế, quản lý;

Đào tạo những chuyên gia Hệ thống thông tin quản lý có khả năng đánh giá, lựa chọn, đề xuất và tư vấn các giải pháp dựa trên nền tảng công nghệ thông tin hiện đại để giải quyết các vấn đề quản trị cụ thể trong quản lý và điều hành tổ chức, doanh nghiệp; Có khả năng và tầm nhìn trong việc ứng dụng các công nghệ quản lý hiện đại để tăng cường hiệu quả quản trị dẫn đến tăng cường sức mạnh cạnh tranh cho doanh nghiệp trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0;

Đào tạo nguồn nhân lực có ý thức tôn trọng pháp luật, trách nhiệm với bản thân và xã hội; khả năng nghiên cứu độc lập, phát triển chuyên môn liên tục và học tập suốt đời.



Handwritten signature or mark.

3. Yêu cầu về kiến thức

- Nắm vững kiến thức cơ bản các môn Lý luận của Chủ nghĩa Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh, Pháp luật đại cương; các kiến thức cơ bản về Toán, tiếng Anh,...; hoàn thành chương trình GDTC, GDQP và được Nhà trường cấp chứng chỉ.

- Nắm vững các kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý, quản trị kinh doanh, kế toán tài chính, làm cơ sở để phát triển và ứng dụng tin học quản lý vào thực tiễn quản trị doanh nghiệp hoặc các cơ quan quản lý khu vực công.

- Hiểu biết nguyên tắc tổ chức và quản trị và phát triển HTTT, hiểu biết các khía cạnh đạo đức, pháp lý và các đặc thù nghề nghiệp Hệ thống thông tin (HTTT); hiểu được vai trò của HTTT trong việc hỗ trợ công tác quản lý.

- Biết ứng dụng và phát triển các ứng dụng tin học trong hoạt động của các tổ chức kinh tế - xã hội. Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện công việc về CNTT trong các cơ quan nhà nước, nhà máy, xí nghiệp, dịch vụ thương mại.

4. Yêu cầu về kỹ năng

- Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lí thuyết và thực tiễn của ngành được đào tạo trong những bối cảnh khác nhau;

- Thu nhận và phát triển được những kỹ năng phù hợp về thiết kế, triển khai và vận hành, bảo trì các hệ thống quản lý

- Có năng lực phân tích và nhận diện vấn đề; tìm kiếm và phân tích thông tin một cách khoa học để đưa ra các giải pháp, kiến nghị phù hợp giải quyết vấn đề; có năng lực tư duy và lập luận logic, khoa học trong việc giải quyết các vấn đề chuyên môn nghiệp vụ.

- Nắm được các kỹ năng phân tích, đánh giá tổ chức nơi mình làm việc trên các phương diện như văn hoá tổ chức, chiến lược phát triển của tổ chức, mục tiêu, kế hoạch của tổ chức, mối quan hệ giữa cấu trúc của tổ chức và cấu trúc của hệ thống thông tin quản lý, quan hệ giữa đơn vị với công việc đảm nhận để đáp ứng tốt hơn yêu cầu công việc và làm việc thành công trong đơn vị.

- Có khả năng vận dụng linh hoạt và phù hợp kiến thức, kỹ năng được đào tạo với thực tiễn nghề nghiệp, khả năng làm chủ khoa học kĩ thuật và công nghệ mới, khả năng phát hiện và xây dựng các giải pháp công nghệ và quản lý giải quyết hợp lí các vấn đề trong nghề nghiệp.

- Có kỹ năng làm việc theo nhóm (Team Work), truyền thông kinh doanh và giao tiếp cộng đồng tốt; Kỹ năng phát hiện, làm báo cáo nghiên cứu và trình diễn vấn đề;

- Kỹ năng ngoại ngữ: Sinh viên sau khi tốt nghiệp đạt chuẩn đầu ra Tiếng Anh tương đương Bậc 3 theo Thông tư 01/2014/TT-BGD&ĐT quy định về Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Sử dụng thành thạo phần mềm tin học văn phòng và một số phần mềm chuyên dụng phục vụ công tác chuyên môn.

5. Yêu cầu về thái độ

Sinh viên sau khi tốt nghiệp phải đạt chuẩn về thái độ như sau:

- Năng lực thể hiện hành vi và ra quyết định trên cơ sở cân nhắc các yếu tố đạo đức, phù hợp với các yêu cầu của pháp luật, chuẩn mực chung của xã hội và lợi ích quốc gia.
- Phẩm chất công dân và quan hệ cộng đồng: Tham gia các hoạt động cộng đồng và thực hiện trách nhiệm xã hội.
- Có thái độ tích cực, tư duy sáng tạo, ý thức đổi mới và vượt khó vươn lên trong công việc.

6. Yêu cầu về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ Hệ thống thông tin quản lý; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

7. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Với sự kết hợp của các khối kiến thức thuộc các lĩnh vực khác nhau như quản lý, kinh tế, công nghệ,..., sinh viên tốt nghiệp ngành Hệ thống thông tin quản lý có thể đảm nhiệm nhiều vị trí công việc ở các lĩnh vực, ngành khác nhau trong các tổ chức, doanh nghiệp:

- Chuyên viên nghiên cứu, tham gia hoạch định chính sách, phát triển dự án về ứng dụng công nghệ thông tin và hệ thống thông tin quản lý và kinh doanh tại các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức và doanh nghiệp;
- Chuyên viên phân tích, thiết kế các hệ thống thông tin, chuyên gia tư vấn phát triển kinh doanh và ứng dụng công nghệ thông tin trong các dịch vụ ngân hàng, chuyên gia thiết kế và vận hành các hệ thống kinh doanh / hỗ trợ ra quyết định / quản trị tri thức;
- Chuyên viên quản trị hạ tầng công nghệ thông tin cho các hệ thống thông tin quản lý và kinh doanh, chuyên gia tư vấn về công nghệ và tích hợp hệ thống, chuyên viên điều hành kỹ thuật các hệ thống thông tin doanh nghiệp, chuyên viên điều hành thương mại điện tử, chuyên viên phân tích kinh doanh điện tử;
- Hoạch định, triển khai và quản lý các hoạt động và hệ thống kinh doanh độc lập của riêng mình;
- Chuyên viên tại các phòng ban của doanh nghiệp phần mềm;
- Tham gia vào hoạt động giảng dạy, nghiên cứu tại các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu về lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển và sáng chế đổi mới phần mềm và các hệ thống thông tin phục vụ hoạt động quản lý và kinh doanh.

8. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra tốt nghiệp

Với nền tảng các kiến thức và kỹ năng đã được trang bị, sinh viên sau khi tốt nghiệp cử nhân ngành Hệ thống thông tin quản lý, có thể tự nghiên cứu, học tập bổ sung các kiến thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với yêu cầu của vị trí công tác. Ngoài ra sinh viên có khả năng tiếp tục theo học chương trình đào tạo sau đại học các chuyên ngành: Khoa học máy tính, Hệ thống thông tin, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị kinh doanh, Kế toán, Tài chính, Ngân hàng, Quản lý kinh tế trong và ngoài nước.

9. Các chương trình, chuẩn đầu ra quốc tế đã tham khảo

9.1. Trong nước

TT	Tên chương trình	Địa chỉ website tham chiếu (nếu có)
1	CĐR Ngành Hệ thống thông tin quản lý – Đại học Đà Nẵng	www.due.udn.vn
2	CĐR Ngành Hệ thống thông tin quản lý – Đại học Mở TP HCM	www.ou.edu.vn

9.2. Ngoài nước

TT	Tên chương trình	Địa chỉ website tham chiếu (nếu có)
1	Information Systems and Management - University of London	http://www.bbk.ac.uk/study/2015/undergraduate/programmes/UBSIYMNG_C/
2	Management Information Systems - Washington State University	https://online.wsu.edu/undergrad/informationSystems.aspx

HIỆU TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)


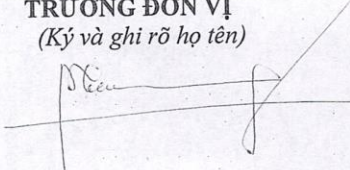


TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI



GS.TS Đinh Văn Sơn

TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Nguyễn Trần Hưng

**CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN
NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 133/QĐ-ĐHTM ngày 25 tháng 12 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)*

1. Giới thiệu về chuyên ngành đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo (tiếng Việt): **Quản trị hệ thống thông tin**
- Tên chuyên ngành đào tạo (tiếng Anh): **Information System Administration**
- Tên ngành đào tạo (tiếng Việt): **Hệ thống thông tin quản lý**
- Mã ngành: **7340405**
- Trình độ đào tạo: **Đại học**

2. Mục tiêu của chuyên ngành đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân chuyên ngành Quản trị hệ thống thông tin nắm vững các kiến thức nền tảng về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, kế toán - tài chính; có kiến thức chuyên sâu, cập nhật về các hệ thống thông tin quản lý đáp ứng nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực chất lượng cao trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Đào tạo cử nhân chuyên ngành Quản trị hệ thống thông tin có đầy đủ kiến thức chuyên môn cần thiết về công nghệ thông tin ứng dụng trong kinh doanh; nắm vững các quy trình kinh doanh và quản trị doanh nghiệp;

Đào tạo những chuyên gia hiểu rõ sự phối hợp giữa các yếu tố công nghệ, quản trị và con người trong một hệ thống thông tin quản lý, vận dụng các hệ thống thông tin quản lý trong việc giải quyết các vấn đề quản trị của tổ chức;

Đào tạo đội ngũ những chuyên gia Quản trị hệ thống thông tin có khả năng phân tích, thiết kế, phát triển, triển khai, vận hành và bảo trì các hệ thống thông tin ứng dụng trong lĩnh vực kinh tế, quản lý;

Đào tạo những chuyên gia Quản trị hệ thống thông tin có khả năng đánh giá, lựa chọn, đề xuất và tư vấn các giải pháp dựa trên nền tảng công nghệ thông tin hiện đại để giải quyết các vấn đề quản trị cụ thể trong quản lý và điều hành tổ chức, doanh nghiệp; Có khả năng và tầm nhìn trong việc ứng dụng các công nghệ quản lý hiện đại để tăng cường hiệu quả quản trị dẫn đến tăng cường sức mạnh cạnh tranh cho doanh nghiệp trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0;

Đào tạo nguồn nhân lực có ý thức tôn trọng pháp luật, trách nhiệm với bản thân và xã hội; khả năng nghiên cứu độc lập, phát triển chuyên môn liên tục và học tập suốt đời.



1/2

3. Yêu cầu về kiến thức

- Nắm vững kiến thức cơ bản các môn Lý luận của Chủ nghĩa Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh, Pháp luật đại cương; các kiến thức cơ bản về Toán, tiếng Anh,...; hoàn thành chương trình GDTC, GDQP và được Nhà trường cấp chứng chỉ.

- Nắm vững các kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý, quản trị kinh doanh, kế toán tài chính, làm cơ sở để phát triển và ứng dụng tin học quản lý vào thực tiễn quản trị doanh nghiệp hoặc các cơ quan quản lý khu vực công.

- Hiểu biết nguyên tắc tổ chức và quản trị HTTT, hiểu biết các khía cạnh đạo đức, pháp lý và các đặc thù nghề nghiệp quản trị HTTT; hiểu được vai trò của HTTT trong việc hỗ trợ công tác quản lý.

- Biết ứng dụng và phát triển các ứng dụng tin học trong hoạt động của các tổ chức kinh tế - xã hội. Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện công việc về CNTT trong các cơ quan nhà nước, nhà máy, xí nghiệp, dịch vụ thương mại.

- Nghiên cứu và ứng dụng được các phần mềm quản lý, các ngôn ngữ lập trình phổ biến và các công cụ phát triển ứng dụng hiện đại dùng trong lĩnh vực kinh tế, quản trị kinh doanh.

4. Yêu cầu về kỹ năng

- Phân tích nghiệp vụ kinh doanh, thiết kế, cài đặt, đảm bảo chất lượng, kiểm thử, vận hành thử nghiệm và bảo trì các hệ thống trong lĩnh vực CNTT liên quan đến kinh tế, quản trị kinh doanh và những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn.

- Hoạch định và quản trị Cơ sở dữ liệu; tổ chức thu thập, lưu trữ, xử lý, khai thác thông tin phục vụ cho dự báo và ra quyết định kinh doanh của doanh nghiệp

- Vận hành hệ thống mạng máy tính, quản trị web, lựa chọn phương án đảm bảo an toàn và bảo mật hệ thống thông tin cho tổ chức, doanh nghiệp.

- Quản trị hệ thống thông tin cho các tổ chức, doanh nghiệp.

- Kỹ năng làm việc theo nhóm (Team Work), truyền thông kinh doanh và giao tiếp cộng đồng tốt; Kỹ năng phát hiện, làm báo cáo nghiên cứu và trình diễn vấn đề;

- Kỹ năng ngoại ngữ: Sinh viên sau khi tốt nghiệp đạt chuẩn đầu ra Tiếng Anh tương đương Bậc 3 theo Thông tư 01/2014/TT-BGD&ĐT quy định về Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (quy đổi tương đương sang một số chứng chỉ ngoại ngữ khác theo Thông tư số 05/2012/TT-BGD&ĐT ngày 15 tháng 2 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo); Sinh viên có thể sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp để trao đổi thông tin trong công việc và với khách hàng.

- Sử dụng thành thạo phần mềm tin học văn phòng và một số phần mềm chuyên dụng phục vụ công tác chuyên môn.

5. Yêu cầu về thái độ

- Có năng lực thể hiện hành vi và ra quyết định trên cơ sở cân nhắc các yếu tố đạo đức, phù hợp với các yêu cầu của pháp luật, chuẩn mực chung của xã hội và lợi ích quốc gia.

- Có phẩm chất công dân và quan hệ cộng đồng: Tham gia các hoạt động cộng đồng và thực hiện trách nhiệm xã hội. Cụ thể sinh viên phải đạt mức điểm rèn luyện từ 50 điểm trở lên.

- Có thái độ tích cực, tư duy sáng tạo, ý thức đổi mới và vượt khó vươn lên trong công việc.

6. Yêu cầu về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ Quản trị hệ thống thông tin; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

7. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Quản trị hệ thống thông tin quản lý sẽ có cơ hội làm việc trong lĩnh vực nghề nghiệp sau:

** Làm việc phù hợp và tốt ở các vị trí sau của doanh nghiệp phần mềm:*

- Chuyên viên Phân tích viên hệ thống;
- Chuyên viên Phân tích viên nghiệp vụ;
- Chuyên viên Phân tích, thiết kế hệ thống;
- Chuyên viên Quản lý chất lượng phần mềm;
- Lập trình viên;
- Chuyên viên Kiểm thử, triển khai, bảo trì hệ thống;
- Chuyên viên Tư vấn triển khai dự án Công nghệ thông tin.

** Làm việc tốt ở các vị trí sau của doanh nghiệp khác:*

- Quản trị dự án phát triển hệ thống thông tin;
- Quản trị hệ thống thông tin của doanh nghiệp;
- Quản trị Website của doanh nghiệp;
- Truyền thông kinh doanh trực tuyến;
- Quản trị cơ sở dữ liệu;
- Marketing trực tuyến của các doanh nghiệp thương mại điện tử;
- Đảm bảo an toàn thông tin cho doanh nghiệp

** Ngoài ra, Có thể làm việc ở bộ phận, phòng công nghệ thông tin, thương mại điện tử của các Sở, Bộ hoặc Ủy ban nhân dân quận, huyện; Giảng dạy Công nghệ thông tin, hệ*

thống thông tin kinh tế và quản lý tại các viện nghiên cứu, các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp thuộc khối ngành Kinh tế - Quản trị kinh doanh.

8. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra tốt nghiệp

Với nền tảng các kiến thức và kỹ năng đã được trang bị, sinh viên sau khi tốt nghiệp cử nhân ngành Hệ thống thông tin quản lý, có thể tự nghiên cứu, học tập bổ sung các kiến thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với yêu cầu của vị trí công tác. Ngoài ra sinh viên có khả năng tiếp tục theo học chương trình đào tạo sau đại học các chuyên ngành: Khoa học máy tính, Hệ thống thông tin, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị kinh doanh, Kế toán, Tài chính, Ngân hàng, Quản lý kinh tế trong và ngoài nước.

9. Các chương trình, chuẩn đầu ra quốc tế đã tham khảo

9.1. Trong nước

TT	Tên chương trình	Địa chỉ website tham chiếu (nếu có)
1	CĐR Ngành Hệ thống thông tin quản lý – Đại học Đà Nẵng	www.due.udn.vn
2	CĐR Ngành Hệ thống thông tin quản lý – Đại học Mở TP HCM	www.ou.edu.vn

9.2. Ngoài nước

TT	Tên chương trình	Địa chỉ website tham chiếu (nếu có)
1	Information Systems and Management - University of London	http://www.bbk.ac.uk/study/2015/undergraduate/programmes/UBSIYMNG_C/
2	Management Information Systems - Washington State University	https://online.wsu.edu/undergrad/informati onSystems.aspx

HIỆU TRƯỞNG

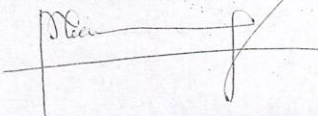
(Ký và ghi rõ họ tên)



*GS.TS Đinh Văn Sơn

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký và ghi rõ họ tên)


TS. Nguyễn Trần Hưng

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 156/QĐ-ĐHTM ngày 25 tháng 12 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

Tên chương trình đào tạo: **Quản trị Hệ thống thông tin**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Loại hình đào tạo: **Chính quy**

Ngành đào tạo: **Hệ thống thông tin quản lý**

Mã ngành: 7340405

Chuyên ngành đào tạo: **Quản trị Hệ thống thông tin**

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo nguồn nhân lực có khả năng phân tích, tư vấn, thiết kế, phát triển và triển khai, vận hành các hệ thống thông tin để giải quyết các vấn đề trong kinh tế, quản lý, quản trị kinh doanh; và có kỹ năng thái độ cần thiết để đáp ứng nhu cầu xã hội về nguồn lực chất lượng cao trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Đào tạo cử nhân chuyên ngành Quản trị hệ thống thông tin có các kiến thức nền tảng về kinh tế - xã hội, kinh doanh - quản lý, kế toán - tài chính; chương trình đặc biệt chú trọng các kiến thức chuyên sâu về hệ thống thông tin quản lý, kiến thức tổ chức và quản trị hệ thống thông tin.

Chương trình đào tạo tăng cường các kỹ năng nghề nghiệp, nhằm trang bị cho người học một năng lực tối thiểu cho các hoạt động xây dựng và phát triển các hệ thống thông tin (HTTT), đặc biệt là năng lực quản trị các HTTT trong tiến trình hoạt động của các tổ chức doanh nghiệp.

Ngoài ra chương trình còn trang bị cho người học những kỹ năng mềm cần thiết như: kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng quản lý, kỹ năng tư duy - sáng tạo - phân tích - phân biện; ý thức tôn trọng pháp luật, trách nhiệm với bản thân và xã hội; khả năng nghiên cứu độc lập, phát triển chuyên môn liên tục và học tập suốt đời.

Cung cấp khả năng tiếp tục học tập ở bậc học cao hơn, tích lũy kinh nghiệm để trở thành nhà lãnh đạo, chuyên gia trong lĩnh vực hệ thống thông tin quản lý.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Kiến thức

- Nắm vững kiến thức cơ bản các môn Lý luận của Chủ nghĩa Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh, Pháp luật đại cương; các kiến thức cơ bản về Toán ứng dụng, tiếng Anh,...; hoàn thành chương trình GDTC, GDQP và được Nhà trường cấp chứng chỉ.

- Nắm vững các kiến thức cơ bản về kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý, quản trị kinh doanh, kế toán tài chính, làm cơ sở để phát triển và ứng dụng tin học quản lý vào thực tiễn quản trị doanh nghiệp hoặc các cơ quan quản lý khu vực công.

- Hiểu các nguyên lý trong tổ chức và thiết kế cơ sở dữ liệu, công cụ quản trị cơ sở dữ liệu. Nắm được các kiến thức cơ bản về kho dữ liệu và khai phá dữ liệu nhằm hỗ trợ ra quyết định trong quản lý và kinh doanh.

- Nắm được một công cụ và kỹ thuật hiện đại trong quản trị mạng máy tính, thiết kế và xây dựng các website phục vụ các hoạt động quản lý và kinh doanh. Am hiểu và vận dụng được các giải pháp, chính sách an toàn thông tin doanh nghiệp.

- Nắm được các quy trình nghiệp vụ của các doanh nghiệp, tổ chức vận dụng để triển khai các phần mềm ứng dụng; triển khai HTTT cho doanh nghiệp.

- Hiểu và biết cách vận dụng một số phần mềm quản lý, ngôn ngữ lập trình phổ biến và một số công cụ phát triển ứng dụng hiện đại dùng trong lĩnh vực kinh tế, quản trị kinh doanh.

2.2. Kỹ năng

- Có kỹ năng hoàn thành các công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng có hiệu quả các kiến thức của ngành, chuyên ngành trong các doanh nghiệp và tổ chức như: Phân tích yêu cầu, thiết kế, cài đặt, đảm bảo chất lượng, kiểm thử, vận hành thử nghiệm và bảo trì các hệ thống thông tin; có các kỹ năng cơ bản để tổ chức triển khai ứng dụng hệ thống thông tin, công nghệ thông tin trong quản lý và kinh doanh.

- Có kỹ năng hoạch định, quản trị dữ liệu; tổ chức thu thập, lưu trữ, xử lý, khai thác, phân tích, đánh giá thông tin một cách có hiệu quả phục vụ cho dự báo và ra quyết định kinh doanh của doanh nghiệp.

- Có kỹ năng vận hành và khai thác hệ thống mạng máy tính, quản trị web, lựa chọn phương án đảm bảo an toàn và bảo mật hệ thống thông tin cho tổ chức, doanh nghiệp. Quản trị hệ thống phần mềm trong các tổ chức, doanh nghiệp.

- Kỹ năng làm việc theo nhóm (Team Work), truyền thông kinh doanh và giao tiếp cộng đồng tốt; Kỹ năng phát hiện, làm báo cáo nghiên cứu và trình diễn vấn đề;

- Kỹ năng ngoại ngữ: Sinh viên sau khi tốt nghiệp đạt chuẩn đầu ra Tiếng Anh theo quy định của Nhà trường; Sinh viên có thể sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp để trao đổi thông tin trong công việc và với khách hàng.

- Nắm vững và sử dụng thành thạo các phần mềm thông dụng (Tin học văn phòng, và các phần mềm khác) và các kỹ năng mềm khác như soạn thảo văn bản, thuyết trình, quản lý email.

2.3. Thái độ

Sinh viên sau khi tốt nghiệp phải đạt chuẩn về thái độ như sau:

- Có thái độ đúng mực, phù hợp với các quy định của pháp luật, các yêu cầu về

chuẩn mực đạo đức chung của xã hội và quốc gia.

- Có phẩm chất công dân tốt và ý thức trong quan hệ/ hoạt động cộng đồng: Tham gia các hoạt động cộng đồng và thực hiện trách nhiệm xã hội. Cụ thể sinh viên phải đạt mức điểm rèn luyện từ 50 điểm trở lên.

- Có thái độ tích cực, ý thức đổi mới và vượt khó vươn lên trong công việc.

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu toàn khóa học: 131 tín chỉ trong đó có 11 tín chỉ các HP Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng; 120 tín chỉ học tập và tốt nghiệp trong đó có 90 tín chỉ các học phần bắt buộc; 30 tín chỉ các học phần tự chọn;

4. Đối tượng tuyển sinh

Học sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông và tương đương, có đủ sức khoẻ để học tập và làm đầy đủ các thủ tục dự thi theo quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trên cơ sở Đề án tuyển sinh hàng năm được bộ phê duyệt, Nhà trường sẽ quy định cụ thể trong các thông báo tuyển sinh trên website www.tmu.edu.vn

5. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo

Chương trình đào tạo chuẩn được thực hiện trong 4 năm gồm 8 học kỳ, trong đó có 7 học kỳ tích lũy kiến thức tại trường và 1 học kỳ thực tập tốt nghiệp. Cuối khóa, sinh viên viết khóa luận tốt nghiệp. Sinh viên có thể học nhanh 3 hoặc 3,5 năm.

Sinh viên đào tạo theo loại hình đại học chính quy tuân thủ Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và yêu cầu cụ thể của Nhà trường.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Kết thúc khóa học, sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi hội đủ các tiêu chuẩn theo qui định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và điều kiện cụ thể của Nhà trường.

6. Phương thức đánh giá

Điểm học phần được đánh giá theo thang điểm 10 sau đó được quy đổi sang điểm chữ A, B, C, D, F

Trong đó A (8,5-10); B⁺(8,0-8,4); B (7,0-7,9); C⁺(6,5-6,9); C (5,5-6,4); D⁺(5,0-5,4); D (4,0-4,9)

Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chữ của mỗi học phần phải được quy đổi qua điểm số như sau: A (4,0); B⁺(3,5); B(3,0); C⁺(2,5); C (2); D⁺(1,5); D (1,0); F(0)



7. Nội dung chương trình đào tạo

7.1. Khung chương trình đào tạo

STT	KHỐI KIẾN THỨC VÀ HỌC PHẦN	SỐ TC	Cấu trúc học phần
1	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	40 TC	
1.1.	Các học phần bắt buộc	27	
1	Triết học Mác - Lênin	3	36,9
2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	24,6
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	24,6
4	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	24,6
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	24,6
6	Tiếng Anh 1	2	24,6
7	Tiếng Anh 2	2	24,6
8	Tiếng Anh 3	2	24,6
9	Tin học quản lý 1	3	36,9
10	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	24,6
11	Pháp luật đại cương	2	24,6
12	Toán đại cương	3	36,9
1.2.	Các học phần tự chọn	2	
	<i>Chọn 2 TC trong các HP sau:</i>		
1	Kinh tế thương mại đại cương	2	24,6
2	Xã hội học đại cương	2	24,6
3	Kinh tế môi trường	2	24,6
1.3.	Giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng	11	
1	Giáo dục thể chất	3	
2	Giáo dục quốc phòng	8	
2	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	91TC	
2.1.	Kiến thức cơ sở ngành	28	
2.1.1.	Các học phần bắt buộc	18	
1	Kinh tế vi mô 1	3	36,9
2	Quản trị học	3	36,9
3	Thương mại điện tử căn bản	3	36,9
4	Cơ sở dữ liệu	2	24,6
5	Cơ sở lập trình	3	30,15
6	Tiếng Anh chuyên ngành 1	2	24,6
7	Tiếng Anh chuyên ngành 2	2	24,6
2.1.2.	Các học phần tự chọn	10	
	<i>Chọn 10 TC trong các HP sau:</i>		
1	Thực hành khai thác dữ liệu trên mạng Internet	2	0,30
2	Thực hành quảng cáo điện tử	2	0,30
3	Văn hóa kinh doanh	2	24,6
4	Khởi sự kinh doanh	2	24,6
5	Kinh tế vĩ mô 1	3	36,9
6	Lập trình hướng đối tượng	3	30,15
7	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	36,9
8	Kinh tế lượng	3	36,9

2.2.	Kiến thức ngành và chuyên ngành	41	
2.2.1.	Các học phần bắt buộc	29	
1	Mạng máy tính và truyền thông	2	24,6
2	Hệ thống thông tin quản lý	3	36,9
3	Thiết kế và triển khai website	3	36,9
4	Quản trị cơ sở dữ liệu	3	36,9
5	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	3	36,9
6	Các phần mềm ứng dụng trong doanh nghiệp	3	36,9
7	An toàn và bảo mật thông tin	3	36,9
8	Kiểm thử phần mềm	3	36,9
9	Phát triển hệ thống thông tin kinh tế *	3	34,6,5
10	Quản trị hệ thống thông tin doanh nghiệp *	3	34,6,5
2.2.2.	Các học phần tự chọn	12	
	<i>Chọn 12 TC trong các HP sau:</i>		
1	Khai phá dữ liệu trong kinh doanh	2	24,6
2	Kỹ thuật sử dụng SQL Server	2	0,30
3	Các phương pháp và mô hình phân tích, dự báo kinh tế, xã hội	2	24,6
4	Thanh toán điện tử	3	36,9
5	Marketing Thương mại điện tử	3	36,9
6	Cơ sở toán học cho tin học	3	36,9
7	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	36,9
2.3.	Kiến thức hỗ trợ	12	
2.3.1.	Các học phần bắt buộc	6	
1	Nguyên lý kế toán	3	36,9
2	Nhập môn tài chính tiền tệ	3	36,9
2.3.2.	Các học phần tự chọn	6	
	<i>Chọn 6 TC trong các HP sau:</i>		
1	Quản trị chất lượng	3	36,9
2	Quản trị thương hiệu 1	3	36,9
3	Quản trị nhân lực căn bản	3	36,9
4	Marketing căn bản	3	36,9
2.4	Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học	10	

Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu toàn khóa học: 131 tín chỉ trong đó 120 tín chỉ học tập và tốt nghiệp, 11 tín chỉ giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng;

Trong 120 tín chỉ học tập và tốt nghiệp có 90 tín chỉ học phần bắt buộc và 30 tín chỉ học phần tự chọn.

* Học phần bắt buộc mời chuyên gia thực tế

7.2. Mô tả các học phần

Mục tiêu và tóm tắt nội dung chính của các học phần trong chương trình đào tạo (do các Bộ môn trong Khoa chuyên ngành đảm nhận)

1. Tin học quản lý 1

Là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức đại cương đối với sinh viên chuyên ngành Quản trị HTTT, cung cấp các kiến thức cơ bản và nền tảng cho việc nghiên cứu và học tập các học phần chuyên ngành như: cơ sở lập trình, cơ sở dữ liệu,....

Ngoài ra đây là học phần phục vụ cho việc quản lý và sử dụng các kỹ năng cơ bản của máy tính để đáp ứng cho công việc, cũng như đáp ứng chuẩn đầu ra của trường. Đồng thời còn củng cố các kiến thức cho các môn học chuyên ngành. Học phần bao gồm các khối kiến thức đại cương về máy tính điện tử, về hệ điều hành (MS- Windows), hệ soạn thảo văn bản (Microsoft Word), Bảng tính điện tử (Microsoft Excel) và mạng máy tính.

2. Cơ sở lập trình

Học phần Cơ sở lập trình là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương nhằm cung cấp cho người học những kỹ năng cơ bản về lập trình bao gồm: Các khái niệm về thuật toán, mô tả thuật toán bằng sơ đồ khối, các kỹ năng viết chương trình thực hiện các thuật toán cơ bản như tìm kiếm, sắp xếp và tối ưu hóa các thuật toán cùng viết mã giả để có thể minh họa bằng các ngôn ngữ lập trình bậc cao. Bên cạnh đó, học phần cũng cung cấp các phương pháp lập trình và kỹ thuật thiết kế chương trình; Các yếu tố cơ bản trong lập trình; Ngôn ngữ lập trình C sẽ được sử dụng để làm minh họa trong các bài toán thực hành.

3. Cơ sở dữ liệu

Học phần Cơ sở dữ liệu là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Học phần nhằm giới thiệu những kiến thức cơ bản về cơ sở dữ liệu và các nội dung liên quan đến thiết kế cơ sở dữ liệu trong các HTTT của doanh nghiệp bao gồm: Giới thiệu các mô hình dữ liệu, cách thức xây dựng cơ sở dữ liệu, các chuẩn và các phương pháp chuẩn hoá dữ liệu, giới thiệu về ngôn ngữ truy vấn và khai thác cơ sở dữ liệu quan hệ. Học phần đi sâu vào minh họa xây dựng và thiết kế dữ liệu cho hệ thống thông tin theo mô hình quan hệ, ứng dụng ngôn ngữ truy vấn SQL.

4. Hệ thống thông tin quản lý

Học phần Hệ thống thông tin quản lý là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành cung cấp kiến thức tổng quan về hệ thống thông tin quản lý, tạo tiền đề cho các học phần khác thuộc chuyên ngành. Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản về hệ thống thông tin (HTTT), HTTT quản lý trong các tổ chức, doanh nghiệp; Phân tích vai trò của HTTT quản lý trong hoạt động của tổ chức, doanh nghiệp; Giới thiệu công nghệ sử dụng trong hạ tầng của hệ thống thông tin; Trình bày và giới thiệu các công cụ, các phương pháp xây dựng, quản lý để thấy được vai trò con người trong hệ thống thông tin; Khái quát về các ứng dụng HTTT quản lý trong tổ chức, doanh nghiệp.

5. Lập trình hướng đối tượng

Học phần Lập trình hướng đối tượng là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Để học được học phần này sinh viên nên học trước học phần cơ sở lập trình. Học phần cung cấp kỹ năng lập trình ứng dụng hướng đối tượng bằng ngôn ngữ lập trình java. Bên cạnh các khái niệm tổng quan về lập trình hướng đối tượng, so sánh với cách lập trình truyền thống (hướng cấu trúc) thì học phần đi sâu vào các khái niệm cơ bản về lập trình hướng đối tượng như: lớp, đối tượng, phương thức, kế thừa,.. cách khai báo, sử dụng và thực hiện trên ngôn ngữ lập trình Java.

6. Mạng máy tính và truyền thông

Học phần Mạng máy tính và truyền thông là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành (chuyên ngành) nhằm cung cấp kỹ năng lựa chọn phương án xây dựng và quản lý mạng máy tính cho doanh nghiệp của sinh viên. Học phần trước hết trình bày tổng quan về mạng máy tính sau đó đi sâu vào các ứng dụng của mạng máy tính trong cuộc sống nói chung và trong hoạt động của các tổ chức doanh nghiệp nói riêng. Học phần cung cấp các kiến thức về mạng máy tính, mô hình OSI, giao thức TCP/IP, các kiến thức về mạng LAN, mạng Internet cũng như cách thức lựa chọn cấu hình và giao thức mạng phù hợp cho tổ chức doanh nghiệp. Cuối cùng, học phần hướng dẫn phương thức truyền thông tin an toàn khi sử dụng mạng máy tính trong tổ chức doanh nghiệp.

7. Cấu trúc dữ liệu và giải thuật

Nội dung học phần là một trong những kiến thức bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành và có liên quan đến học phần trước là cơ sở lập trình. Học phần bao gồm một số khái niệm cơ bản về giải thuật và cấu trúc dữ liệu; vai trò của cấu trúc dữ liệu và giải thuật (CTDL và GT) trong hệ thống thông tin (HTTT); Một số cấu trúc dữ liệu cơ bản bao gồm: Mảng (Array), Danh sách (List), Danh sách liên kết (Linked List), Ngăn xếp (Stack) và Hàng đợi (Queue), và Cây (Tree).

8. Kiểm thử phần mềm

Học phần Kiểm thử phần mềm là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Sinh viên cần học Cơ sở lập trình trước khi học học phần này. Đây là học phần thực hành nhằm cung cấp các kỹ năng về kiểm thử phần mềm. Bao gồm trình bày về quy trình kiểm thử phần mềm, các yếu tố khi kiểm thử phần mềm, các mô hình và CASE kiểm thử, các kỹ năng đọc bản đặc tả hệ thống trong kiểm thử giao diện (Test giao diện đồ họa) và kiểm thử chức năng (Test chức năng). Cách viết tài liệu kiểm thử và các bước đánh giá kiểm thử hệ thống trong các dự án phần mềm.

9. An toàn và bảo mật thông tin

Học phần An toàn và bảo mật thông tin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành (chuyên ngành) nhằm cung cấp kỹ năng lựa chọn các giải pháp đảm bảo an toàn và bảo mật thông tin cho hệ thống thông tin của doanh nghiệp. Học phần giới thiệu các khái niệm liên quan đến an toàn và bảo mật thông tin trong doanh nghiệp, đi sâu vào các hình thức tấn công, các phương pháp phòng tránh, một số cách thức phục hồi sự cố khi hệ thống thông tin của doanh nghiệp gặp rủi ro. Ngoài ra, học phần cũng đưa ra quy trình nhằm đánh giá rủi ro của hệ thống thông tin doanh nghiệp và một số ứng dụng để nâng cao độ an toàn, tính bảo mật cho các hệ thống thông tin trong doanh nghiệp.

10. Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin

Học phần Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành (chuyên ngành) nhằm cung cấp kỹ năng xây dựng, tổ chức và phát triển hệ thống thông tin cho tổ chức, doanh nghiệp. Học phần trình bày các kiến thức chuyên

sâu về phân tích và thiết kế hệ thống thông tin, những nguyên tắc cơ bản trong phân tích, thiết kế hệ thống thông tin, các khía cạnh và các hướng tiếp cận trong phân tích, thiết kế hệ thống thông tin, ưu điểm của hướng tiếp cận theo hướng đối tượng. Trình bày phương pháp phân tích, thiết kế hướng đối tượng bằng UML và công cụ hỗ trợ phân tích thiết kế hệ thống thông tin Rational Rose.

11. Quản trị hệ thống thông tin doanh nghiệp

Học phần Quản trị hệ thống thông tin doanh nghiệp là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành (chuyên ngành) nhằm cung cấp kỹ năng lập phương án tổ chức hệ thống thông tin, lập chiến lược quản trị các thành phần trong hệ thống thông tin của tổ chức, doanh nghiệp. Học phần giới thiệu những kiến thức chuyên sâu về HTTT và quản trị HTTT trong DN. Giới thiệu các phương pháp tiếp cận HTTT trong DN: Tiếp cận trên khía cạnh quản trị công nghệ và khía cạnh quản trị doanh nghiệp. Khía cạnh công nghệ bao gồm: Quản trị các thành phần của HTTT (phần cứng, phần mềm, CSDL, mạng, nguồn nhân lực). Khía cạnh quản trị doanh nghiệp bao gồm: Quản trị các yếu tố thuộc môi trường bên trong và môi trường bên ngoài doanh nghiệp có tác động đến HTTT DN. Đề tạo ra giá trị kinh doanh cho HTTT cần quản trị tất cả các yếu tố liên quan bao gồm cả yếu tố công nghệ và yếu tố phi công nghệ trong doanh nghiệp.

12. Thiết kế và triển khai website

Học phần Thiết kế và triển khai website là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành nhằm cung cấp kỹ năng lập phương án tổ chức, truyền thông tin, khai thác và phân phối thông tin phục vụ hoạt động kinh doanh của tổ chức, doanh nghiệp. Học phần cung cấp các kiến thức tổng quát về cách thức thiết kế và triển khai một website cho một doanh nghiệp. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về internet, world wide web, giao thức HTTP, giao thức FTP, ngôn ngữ đánh dấu HTML,... và một số ngôn ngữ, công cụ sử dụng trong thiết kế và xây dựng website. Bên cạnh đó, học phần cũng cung cấp một số công cụ sử dụng trong thiết kế đồ họa và giao diện cho website. Cuối cùng, học phần trình bày qui trình chung và chi tiết các bước để triển khai một website cho doanh nghiệp trên thực tế và các kỹ năng khi triển khai một website.

13. Quản trị cơ sở dữ liệu

Học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành (chuyên ngành). Sinh viên cần phải học trước học phần cơ sở dữ liệu (CSDL) trước khi học học phần này. Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng về quản trị CSDL ứng dụng trên hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server. Bao gồm các kỹ năng tổ chức, xây dựng, quản lý, khai thác CSDL dựa trên các chức năng mà hệ quản trị CSDL cung cấp. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp các kỹ năng như đồng bộ dữ liệu, phân quyền người dùng, sao lưu dự phòng và đảm bảo an toàn CSDL một cách hiệu quả. Học phần sẽ giúp sinh viên có được các kiến thức, kỹ năng theo chuẩn kỹ năng chuyên nghiệp MTA (Microsoft Technology Associate) của Microsoft.

14. Phát triển HTTT kinh tế

Học phần Phát triển HTTT kinh tế là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành(chuyên ngành) nhằm cung cấp kỹ năng lựa chọn phương án xây dựng và phát triển

hệ thống thông tin cho doanh nghiệp. Học phần đi sâu vào mô tả quy trình chung và các điều kiện cơ bản để phát triển hệ thống thông tin kinh tế. Sau đó giới thiệu một số mô hình phát triển phần mềm, các giai đoạn trong quá trình xây dựng phần mềm: lập kế hoạch, khảo sát, phân tích, thiết kế, cài đặt, kiểm thử, tích hợp và bảo trì. Tiếp đến học phần trình bày các giai đoạn phát triển HTTT cùng các mô hình, phương pháp, công cụ hỗ trợ để hoàn thiện các giai đoạn trong quy trình phát triển hệ thống thông tin kinh tế cho doanh nghiệp.

15. Các phần mềm ứng dụng trong doanh nghiệp

Học phần Các phần mềm ứng dụng trong doanh nghiệp là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành (chuyên ngành) nhằm cung cấp kiến thức và kỹ năng chuyên giao, huấn luyện sử dụng các phần mềm thông dụng trong tổ chức, doanh nghiệp. Học phần cung cấp kiến thức về các phần mềm ứng dụng trong doanh nghiệp bao gồm các đặc trưng, yêu cầu kỹ thuật, phi kỹ thuật, các lợi ích của chúng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Học phần đi sâu giới thiệu cụ thể vào 3 nhóm phần mềm ứng dụng cơ bản trong doanh nghiệp là nhóm phần mềm tích hợp, nhóm phần mềm quản lý tri thức và nhóm phần mềm trí tuệ nhân tạo.

16. Cơ sở toán học cho tin học

Học phần Cơ sở toán học cho tin học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành nhằm cung cấp kỹ năng cơ bản về nguyên tắc hoạt động và cơ chế lưu trữ của hệ thống máy tính điện tử. Học phần cung cấp những kỹ năng cơ bản, làm tiền đề cho các học phần ở khối kiến thức ngành của sinh viên. Học phần giới thiệu những vấn đề cơ bản nhất của thuật toán, bao gồm xác định độ phức tạp về thời gian của thuật toán, cài đặt thuật toán và các nguyên lý cơ bản nhất của lý thuyết tổ hợp.

Ngoài ra, học phần cũng trình bày về lý thuyết đồ thị, lý thuyết otomat và các ứng dụng. Cuối cùng, giới thiệu một số bài toán tối ưu trên đồ thị và một số bài toán tối ưu được giải bằng cách ứng dụng lý thuyết đồ thị. Các bài toán này được cài đặt bằng ngôn ngữ lập trình trên máy tính.

17. Khai phá dữ liệu trong kinh doanh

Học phần Khai phá dữ liệu trong kinh doanh là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành (chuyên ngành) quản trị hệ thống thông tin. Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức về quy trình khai phá dữ liệu nói chung, các bước để tiến hành việc làm sạch dữ liệu, sử dụng công cụ để tìm kiếm và rút trích các thông tin có ích từ kho dữ liệu để phục vụ các mục đích khác nhau trong lĩnh vực kinh doanh. Cụ thể là sẽ sử dụng công cụ khai phá BI (Business Intelligence) của SQL server.

18. Kỹ thuật sử dụng SQL Server

Đây là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành. Sinh viên nên (không bắt buộc) học học phần Cơ sở dữ liệu 1 trước khi học môn học này. Học phần bao gồm các kiến thức về cách tổ chức, xây dựng và khai thác CSDL cụ thể như: Tạo CSDL, cập nhật, truy vấn CSDL, tạo trigger, store procedure để khai thác và quản lý CSDL.

8. Hướng dẫn thực hiện chương trình

TT	Kỳ học	Học phần	Số TC
1	Kỳ I	1. Triết học Mác - Lênin	3
		2. Mạng máy tính và truyền thông	2
		3. Pháp luật đại cương	2
		4. Tiếng Anh 1	2
		5. Toán đại cương	3
2	Kỳ II	1. Tiếng Anh 2	2
		2. Tin học quản lý 1	3
		3. Cơ sở dữ liệu	2
		4. Chủ nghĩa xã hội khoa học	2
		5. Kinh tế vi mô 1	3
3	Kỳ III	1. Thương mại điện tử căn bản	3
		2. Các phương pháp và mô hình phân tích, dự báo kinh tế, xã hội	2
		3. Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2
		4. Marketing căn bản	3
		5. Cơ sở lập trình	3
		6. Tiếng Anh 3	2
4	Kỳ IV	1. Tư tưởng Hồ Chí Minh	
		2. Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3
		3. Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
		4. Quản trị học	3
		5. Hệ thống thông tin quản lý	3
		6. Tiếng Anh chuyên ngành 1	2
		7. Lập trình hướng đối tượng	
5	Kỳ V	1. Thiết kế và triển khai website	3
		2. Tiếng Anh chuyên ngành 2	2
		3. Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3
		4. Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	3
		5. Quản trị cơ sở dữ liệu	3
		6. Quản trị chất lượng	3
		7. Nhập môn tài chính tiền tệ	3
6	Kỳ VI	1. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2
		2. Thanh toán điện tử	3
		3. Cơ sở toán học cho tin học	3
		4. Nguyên lý kế toán	3
		5. Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3
		6. Quản trị thương hiệu 1	3
		7. An toàn và bảo mật thông tin	3
7	Kỳ VII	1. Quản trị hệ thống thông tin doanh nghiệp	3
		2. Phát triển hệ thống thông tin kinh tế	3
		3. Các phần mềm ứng dụng trong doanh nghiệp	3
		4. Kiểm thử phần mềm	2
		5. Kỹ thuật sử dụng SQL Server	2
		6. Khai phá dữ liệu trong kinh doanh	2
8	Kỳ VIII	Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học	10

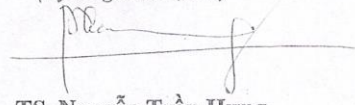
Lưu ý: Đóng kèm toàn bộ đề cương (mẫu số 4) các học phần trong CTĐT.

HIỆU TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

GS.TS Đinh Văn Sơn
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
THƯƠNG MẠI



TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký và ghi rõ họ tên)


TS. Nguyễn Trần Hưng